

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 6 - 2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Thanh Hùng

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Khu phố 4, phường VT, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc K, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Ấp VB, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2021 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị C trình bày: Hôn nhân bà và ông Trần Quốc K do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới năm 2020 và đăng ký kết hôn ngày 08/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường VT, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân ban đầu hạnh phúc, đến khi sinh cháu Trần Khánh Đ được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà có khuyên can nhưng ông K không sửa đổi và mẹ chồng cũng không tiếp khuyên can mà còn bên vực ông K và dẫn con chung về quê chồng tại ấp VB, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang sống cho tới nay. Cả hai không còn chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, yêu cầu ly hôn với ông K.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Khánh Đ, sinh ngày 12/7/2020 hiện đang sống với ông K và gia đình. Khi ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Vì hiện nay bà làm nghề nail, mở tiệm làm riêng, công việc ổn định với thu nhập 08 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quốc K trình bày:

- Về hôn nhân: Đúng như lời trình của bà C về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Như lời trình bày của bà C, hiện nay cháu Trần Khánh Đ đang sống với ông và gia đình. Khi ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay ông làm công nhân tại công ty giấy với mức lương 10 triệu đồng/tháng cũng đủ để nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, bảo lưu ý kiến đã trình bày.

Ông K vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo Quyết định hoãn phiên tòa số 340/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Trần Quốc K, ông K có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, bảo lưu ý kiến đã trình bày; ông K vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà C và ông K có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà C ly hôn với ông K thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Các bên không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình, thời gian chung sống kéo dài và ông K cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà C và ông K.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Khánh Đ, sinh ngày 12/7/2020 hiện đang sống với ông K và gia đình.

Xét về yêu cầu nuôi con chung của các đương sự: Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Trần Khánh Đ sinh ngày 12/7/2020, đến thời điểm xét xử (25/6/2021) chỉ mới được 11

tháng 14 ngày (dưới 36 tháng tuổi). Ông K và bà C đều yêu cầu được nuôi con chung, đều chứng minh bản thân có đủ điều kiện kinh tế để nuôi dạy con nhưng căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý sau này, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà C, buộc ông K phải giao cháu Trần Khánh Đ, sinh ngày 12/7/2020 hiện đang sống chung với ông K cho bà C được tiếp tục nuôi dạy.

Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà C và ông K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Trần Quốc K.
- Về con chung: Giáo cháu Trần Khánh Đ, sinh ngày 12/7/2020, hiện đang sống chung với ông K cho bà Nguyễn Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp

theo biên lai thu số 0007114 ngày 05/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận Đ ký kết hôn số 64 do Ủy ban nhân dân phường VT, thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 08/7/2020 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND P.VT,Tx T, BD;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Bảo